SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH **TRUNG TÂM Y TẾ** **KHU VỰC THUẬN AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1339./TTr-TTYT	*Lái Thiêu, ngày 19. tháng 10. năm 2026*

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị cấp kinh phí để sửa chữa, cải tạo một số hạng mục cơ sở vật chất tại Trung tâm Y tế khu vực Thuận An

Kính gửi: Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu của bệnh viện đa khoa là 100 m²/giường bệnh);

Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

Căn cứ Quyết định số 2482/QĐ-BYT ngày 13/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tài liệu "Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Thận nhân tạo" (trong đó có Quy định về cơ sở vật chất của một đơn vị lọc máu và các quy trình xử lý, kiểm soát chất lượng nước R.O);

Căn cứ TCVN 4470:2012 Bệnh viện đa khoa – Tiêu chuẩn thiết kế, TCVN 9212:2012 Bệnh viện đa khoa khu vực – Tiêu chuẩn thiết kế (diện tích sàn xây dựng bình quân từ 80 m² đến 90 m²/giường bệnh) và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành y tế, xây dựng, phòng cháy chữa cháy hiện hành;

Căn cứ tình hình thực tế cơ sở vật chất và nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Thuận An,

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An kính trình Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, cấp kinh phí không giao tự chủ năm 2027 để sửa chữa, cải tạo một số hạng mục cơ sở vật chất, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG VÀ SỰ CẦN THIẾT

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An có quy mô 320 giường bệnh, khám bệnh, chữa bệnh cho người dân khu vực Thuận An và các vùng lân cận. Đây là địa bàn đông dân khoảng **978.000 dân** (gồm 750.000 dân nội vùng và 228.000 dân vùng giáp ranh TPHCM, Phường Thủ Dầu Một), tập trung nhiều khu công nghiệp và lao động nhập cư, nên nhu cầu khám chữa bệnh lớn và tăng liên tục.

Nhiều hạng mục công trình của Trung tâm được xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2003, đến nay đã xuống cấp nặng. Đồng thời, một số dịch vụ kỹ thuật thiết yếu chưa có đủ cơ sở vật chất để mở rộng. Cụ thể:

1. Thận nhân tạo đã quá tải. Trung tâm hiện có 10 máy thận nhân tạo, chạy 3 ca/ngày, phục vụ tối đa khoảng 60 người bệnh và đã hết công suất. Người bệnh mới phải chờ hoặc chuyển đến cơ sở khác cách khoảng 60 km, mỗi người đi lại khoảng 150 lượt/năm. Sau khi sắp xếp bộ máy, khu phòng Tài chính – Kế hoạch cũ mới nhận theo Quyết định số 5739/QĐ-UBND ngày 04/9/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giao tài sản công (Nhà, đất Phòng tài chính –Kế hoạch thành phố Thuận An cũ), cải tạo thành Đơn nguyên Thận nhân tạo quy mô 25–30 giường (máy) lọc máu nhưng chưa đạt chuẩn về hệ thống nước RO, điện, kiểm soát nhiễm khuẩn và phân khu người bệnh viêm gan B, C.

2. Nhà chứa chất thải chưa đáp ứng Thông tư 20/2021/TT-BYT. Nhà chứa chất thải nguy hại (khoảng 100 m²) có nền nứt, thấm, thiếu rãnh và hố thu nước rò rỉ, chưa có thiết bị bảo quản lạnh. Nhà chứa chất thải sinh hoạt bị dột, đọng nước, phát sinh mùi và côn trùng. Khu chất thải tái chế chưa phân khu riêng. Tình trạng này có nguy cơ bị xử phạt về bảo vệ môi trường và gây lây nhiễm.

3. Khoa ICU, Hồi sức cấp cứu và khu phòng mổ bị thấm dột. Các khu vực này hoạt động 24/24 giờ. Đã xử lý cục bộ nhiều lần nhưng vẫn thấm lại vào mùa mưa, gây ẩm mốc, nguy cơ nhiễm khuẩn, hư hỏng thiết bị y tế và hệ thống điện, phải di chuyển giường bệnh hoặc tạm ngưng phòng mổ.

Các nội dung trên là nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo không thường xuyên, cần được bố trí từ nguồn kinh phí không giao tự chủ. Vì vậy, việc đề nghị Sở Y tế cấp kinh phí năm 2027 là cần thiết và cấp bách.

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

1. Cải tạo phòng Tài chính – Kế hoạch cũ (mới tiếp nhận) làm Đơn nguyên Thận nhân tạo

Mục tiêu: Hình thành Đơn nguyên Thận nhân tạo quy mô 25–30 giường (máy) lọc máu. Khi chạy 3 ca/ngày, 6 ngày/tuần, mỗi máy phục vụ 6 người bệnh lọc máu chu kỳ thì có khả năng đáp ứng khoảng 150–180 người bệnh gần nơi cư trú (hiện chỉ đáp ứng khoảng 60 người bệnh); hỗ trợ điều trị người bệnh nội trú nặng; giảm chuyển tuyến; tận dụng diện tích bỏ trống sau sắp xếp bộ máy. Người bệnh có thẻ BHYT được thanh toán chi phí lọc máu theo quy định.

Tiêu chuẩn áp dụng: Thiết kế, cải tạo đơn nguyên tuân thủ Quy định về cơ sở vật chất của một đơn vị lọc máu và các quy trình xử lý, kiểm soát chất lượng nước R.O, quản lý chất thải khoa thận nhân tạo tại Quyết định số 2482/QĐ-BYT; TCVN 4470:2012; Thông tư 20/2021/TT-BYT về quản lý chất thải y tế và các quy chuẩn phòng cháy chữa cháy hiện hành. Việc chuyển diện tích phòng làm việc dôi dư sau sắp xếp bộ máy sang diện tích phục vụ chuyên môn được xác định theo tiêu chuẩn, định mức tại Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

Chỉ tiêu diện tích: Theo QCVN 01:2021/BXD (tối thiểu 100 m^2 đất/giường bệnh) và TCVN 4470:2012, TCVN 9212:2012 (80–90 m^2 sàn/giường bệnh), quy mô 320 giường của Trung tâm cần tối thiểu 32.000 m^2 đất và từ 25.600 m^2 đến 28.800 m^2 sàn xây dựng. Diện tích hiện tại Trung tâm đang quản lý: 14.976,8 m^2 đất, 17.345 m^2 sàn. Phương án cải tạo diện tích phòng làm việc dôi dư để bố trí 25–30 giường lọc máu không làm tăng diện tích đất, tận dụng diện tích sàn sẵn có, phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch và tiêu chuẩn thiết kế nêu trên.

Bố trí công năng dự kiến (25–30 giường lọc máu):

- Khu lọc máu chung cho người bệnh không nhiễm virus viêm gan: 7.1 x 24.5 m^2 ;
- Khu lọc máu riêng, ngăn cách cho người bệnh viêm gan B và viêm gan C: 7.1 x 7.5 m^2 ;
- Phòng đặt hệ thống xử lý nước R.O và đường ống cấp nước R.O tuần hoàn đến từng máy: 5 x 3.9 m^2 ;
- Phòng pha dịch lọc, kho hóa chất, kho vật tư tiêu hao; phòng rửa và xử lý quả lọc (nếu tái sử dụng): 5 x 3.9 m^2 ;
- Khu tiếp đón, chờ và thay đồ cho người bệnh; phòng nhân viên, phòng trực; khu vệ sinh: 5 x 3.9 m^2 ;
- Khu lưu giữ tạm chất thải lây nhiễm của đơn nguyên: 5 x 3.9 m^2 .

Thiết bị: Kinh phí mua sắm máy thận nhân tạo và lắp đặt hệ thống xử lý nước R.O cho đơn nguyên đã được cấp trong năm 2026. Kinh phí đề nghị năm 2027 tại Tờ trình này chỉ dùng cho phần cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, không trùng lắp với nguồn đã cấp.

Khối lượng công việc dự kiến:

- Đổ bê tông đà kiềng, xây tường gạch, trát vữa xi măng ngăn các phòng chức năng;

- Ốp gạch cao tới trần (chiều cao trần 3 m); lắp cửa nhôm Xingfa sơn tĩnh điện, kính cường lực;

- Đổ bê tông nền mác 200 dày 100 mm; lát sàn vinyl y tế kháng khuẩn; trần nhôm y tế chuyên dụng;

- Lắp điều hòa không khí, đèn LED panel âm trần, hệ thống cấp thoát nước cho các phòng chức năng;

- Lắp hệ thống chữa cháy vách tường, báo cháy tự động và chiếu sáng sự cố.

2. Cải tạo 3 nhà chứa chất thải (nguy hại, sinh hoạt, tái chế)

Mục tiêu: Khu lưu giữ chất thải đáp ứng Thông tư 20/2021/TT-BYT và quy định bảo vệ môi trường; giảm nguy cơ lây nhiễm; chấm dứt rò rỉ nước thải, mùi hôi, côn trùng; phân loại tốt để giảm chi phí xử lý chất thải nguy hại.

Khối lượng công việc dự kiến:

- Nâng nền, láng chống thấm; làm rãnh và hố thu nước rò rỉ; ốp tường gạch dễ vệ sinh;

- Thay cửa, khóa chắc chắn; phân khu chất thải lây nhiễm và không lây nhiễm; lắp thiết bị bảo quản lạnh, thông gió;

- Thay mái che; làm rãnh thoát nước; lắp lưới chống côn trùng, động vật; lắp vòi nước rửa thùng.

3. Chống thấm khoa ICU, khoa Hồi sức cấp cứu và khu phòng mổ

Mục tiêu: Không còn thấm dột tại 3 khu vực kể cả mùa mưa; trần, tường khô ráo, không ẩm mốc, đạt yêu cầu kiểm soát nhiễm khuẩn; không phải tạm ngưng phòng mổ hoặc di chuyển giường bệnh vì thấm dột.

Khối lượng công việc dự kiến:

- Chống thấm sàn mái, sê nô, máng xối; thông tắc, sửa chữa ống thoát nước mưa;

- Chống thấm tường ngoài, khe tiếp giáp, chân tường, khu vệ sinh, hộp kỹ thuật và vị trí ống xuyên sàn;

- Xử lý nấm mốc; sửa chữa trần; sơn lại tường, trần bằng sơn kháng khuẩn, chống ẩm.

III. KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ

Tổng dự toán 3 hạng mục là 6.050 triệu đồng, toàn bộ từ nguồn ngân sách nhà nước. Sau khi trừ 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương (605 triệu đồng), **kinh phí đề nghị cấp năm 2027 là 5.445 triệu đồng.**

Kinh phí trên chỉ bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa; phần máy thận nhân tạo và hệ thống xử lý nước R.O đã được bố trí từ nguồn kinh phí năm 2026.

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Hạng mục công trình	Dự toán	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách nhà nước	Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	Đề nghị cấp năm 2027 (sau tiết kiệm)	Hồ sơ kèm theo
1	Cải tạo phòng Tài chính – Kế hoạch cũ làm Đơn nguyên Thận nhân tạo	5.500	-	5.500	550	4.950	Khái toán hạng mục công trình
2	Cải tạo 3 nhà chứa chất thải (nguy hại, sinh hoạt, tái chế)	350	-	350	35	315	Báo giá
3	Chống thấm khoa ICU, HSCC, khu phòng mổ	200	-	200	20	180	Báo giá
	Tổng cộng	**6.050**	**-**	**6.050**	**605**	**5.445**	

(Bằng chữ số tiền đề nghị cấp: Năm tỷ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng.)

IV. KIẾN NGHỊ

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An kính đề nghị Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, phê duyệt chủ trương và bố trí **5.445 triệu đồng** kinh phí không giao tự chủ năm 2027 để thực hiện 3 hạng mục sửa chữa, cải tạo nêu trên.

Trung tâm cam kết sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định về quản lý tài chính, đầu tư và đấu thầu; tổ chức thi công bảo đảm không gián đoạn hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; quyết toán kinh phí theo quy định.

Kính trình Sở Y tế xem xét, phê duyệt./.

Hồ sơ kèm theo:

- Phụ lục I: Danh sách hạng mục và dự kiến chi phí sửa chữa, cải tạo năm 2027;

- Bảng khái toán hạng mục cải tạo Đơn nguyên Thận nhân tạo;

- Báo giá cải tạo 3 nhà chứa chất thải và chống thấm khoa ICU, HSCC, khu phòng mổ.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính SYT;
- Ban Giám đốc;
- Phòng TCKT;
- Lưu: VT, TCHC (Th).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC THUẬN AN

Phan Quang Toàn

Phụ lục I

KHÁI TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SỬA CHỮA, CẢI TẠO, NÂNG CẤP, MỞ RỘNG, XÂY DỰNG MỚI CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TRONG CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2027 TẠI TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC THUẬN AN

(Đính kèm Tờ trình số 1339 /TTr - TTYT ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An)

1. Tên đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An

Đơn vị: triệu đồng

TT	Hạng mục công trình	Dự toán năm 2026	Trong đó		Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	Dự toán kinh phí NSNN năm 2027 (sau khi trừ tiết kiệm)	Thuyết minh nhu cầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp
			Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách nhà nước năm 2026			
1	Cải tạo phòng Tài chính kế hoạch cũ làm Đơn nguyên thận nhân tạo	5.500		5.500	550	4.950	**I. Sự cần thiết và lý do thực hiện** -Trung tâm hiện có quy mô 320 giường bệnh, thực hiện khám bệnh, chữa bệnh cho người dân khu vực Thuận An và các vùng lân cận. Đây là địa bàn đông dân, tập trung nhiều khu công nghiệp và lao động nhập cư, nên nhu cầu khám chữa bệnh lớn và tăng liên tục. - Bệnh thận mạn đang gia tăng tại Việt Nam, gắn với tỷ lệ đái tháo đường và tăng huyết áp ngày càng cao. Người bệnh suy thận giai đoạn cuối phải chạy thận nhân tạo suốt đời, thường 3 lần/tuần, mỗi lần khoảng 4 giờ. -Hiện Trung tâm có 10 máy thận nhân tạo, hoạt động liên tục 3 ca/ngày, phục vụ tối đa khoảng 60 người bệnh (mỗi người 3 lần/tuần, chạy 6 ngày/tuần). Số máy này đã hoạt động hết công suất, không còn khả năng nhận thêm người bệnh mới. Người bệnh phát sinh phải chờ hoặc chuyển đến bệnh viện tuyến trên, cơ sở khác cách khoảng 60km, chịu

TT	Hạng mục công trình	Dự toán năm 2026	Trong đó		Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	Dự toán kinh phí NSNN năm 2027 (sau khi trừ tiết kiệm)	Thuyết minh nhu cầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp
			Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách nhà nước năm 2026			
							chi phí đi lại và mất thời gian. Việc cải tạo phòng Tài chính – Kế hoạch cũ thành Đơn nguyên Thận nhân tạo là cần thiết và cấp bách, vì các lý do sau: **-Đáp ứng nhu cầu điều trị thiết yếu, kéo dài suốt đời của người bệnh.** Người bệnh suy thận giai đoạn cuối không thể ngừng lọc máu. Tổ chức lọc máu ngay tại địa phương giúp người bệnh được điều trị đúng lịch, giảm biến chứng và tử vong. **-Giảm quá tải và chuyển tuyến.** Các cơ sở lọc máu hiện có trong khu vực thường xuyên kín ca. Đơn nguyên mới giúp giảm số lượt chuyển tuyến, chia sẻ gánh nặng với tuyến trên theo chủ trương phát triển y tế cơ sở. **-Giảm chi phí và thời gian cho người bệnh, gia đình.** Mỗi người bệnh đi lại khoảng 150 lượt/năm. Điều trị gần nhà giúp tiết kiệm đáng kể chi phí đi lại, ngày công lao động của người bệnh và người chăm sóc. **-Phù hợp quy mô và năng lực của Trung tâm.** Với 320 giường bệnh, Trung tâm cần có kỹ thuật lọc máu để hỗ trợ điều trị cho các khoa Nội, Hồi sức cấp cứu và

TT	Hạng mục công trình	Dự toán năm 2026	Trong đó		Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	Dự toán kinh phí NSNN năm 2027 (sau khi trừ tiết kiệm)	Thuyết minh nhu cầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp
			Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách nhà nước năm 2026			người bệnh nội trú có biến chứng thận. Đây cũng là điều kiện để phát triển chuyên môn, nâng cao uy tín và thu hút người bệnh. **-Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất sẵn có, tiết kiệm ngân sách.** Cải tạo khu vực Khối nhà Phòng Tài chính (cũ) có chi phí thấp hơn nhiều so với xây mới, thời gian triển khai nhanh, không phải giải phóng mặt bằng hay mở rộng diện tích. **-Đảm bảo an toàn và chất lượng điều trị.** Lọc máu đòi hỏi phòng đạt chuẩn về hệ thống xử lý nước RO, điện ổn định, kiểm soát nhiễm khuẩn và phân khu bệnh nhân viêm gan B, C. Khu vực hiện tại chưa đáp ứng các yêu cầu này nên bắt buộc phải cải tạo trước khi đưa vào hoạt động. **II. Tên hạng mục công trình** Cải tạo phòng Tài chính kế hoạch cũ làm Đơn nguyên thận nhân tạo **3. Thông tin chi tiết hạng mục** - Mục tiêu, quy mô xây dựng: **Về chuyên môn:** Triển khai được kỹ thuật thận nhân tạo, hỗ trợ điều trị người bệnh nội trú nặng; nâng cao

TT	Hạng mục công trình	Dự toán năm 2026	Trong đó		Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	Dự toán kinh phí NSNN năm 2027 (sau khi trừ tiết kiệm)	Thuyết minh nhu cầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp
			Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách nhà nước năm 2026			
							năng lực đội ngũ bác sĩ, điều dưỡng. **Về xã hội:** Khoảng 140 người bệnh được lọc máu thường xuyên gần nơi cư trú; giảm chuyển tuyến, giảm quá tải cho bệnh viện tuyến trên; tăng sự hài lòng của người dân. **Về kinh tế:** Tận dụng cơ sở vật chất sẵn có; người bệnh có thẻ BHYT được thanh toán chi phí lọc máu theo quy định; tạo nguồn thu hợp pháp góp phần tự chủ tài chính của Trung tâm. **Về quản lý:** Sử dụng hiệu quả tài sản công, tránh lãng phí diện tích bỏ trống sau sắp xếp bộ máy. - Địa điểm xây dựng: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An - Dự kiến khối lượng công việc: -Lắp dựng ván khuôn, đổ bê tông đà kiềng ngăn tường trong các Phòng chức năng. -Xây tường bằng gạch ống, trát tường vữa xi măng. - ốp gạch cao tới trần các phòng chức năng (chiều cao

TT	Hạng mục công trình	Dự toán năm 2026	Trong đó		Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	Dự toán kinh phí NSNN năm 2027 (sau khi trừ tiết kiệm)	Thuyết minh nhu cầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp
			Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách nhà nước năm 2026			
							trần 3m) - Cung cấp lắp đặt cửa nhôm Xingfa sơn tĩnh điện, kính cường lực cho các phòng chức năng. -Đổ bê tông nền mác 200 dày 100mm trong phòng toàn bộ. -Lát nền sàn bằng Vinyl y tế khán khuẩn. -Thi công hệ trần nhôm y tế chuyên dụng. -Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí. -Lắp đặt hệ thống đèn (đèn Led Panel âm trần, dây điện, công tắc…) -Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước cho các phòng chức năng. -Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động và chiếu sáng sự cố. - Và một số công tác sữa chữa khác có liên quan… **4. Dự kiến chi phí**

TT	Hạng mục công trình	Dự toán năm 2026	Trong đó		Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	Dự toán kinh phí NSNN năm 2027 (sau khi trừ tiết kiệm)	Thuyết minh nhu cầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp
			Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách nhà nước năm 2026			
							Tổng kinh phí: 5.500.000.000đồng (Bằng chữ: Năm tỷ năm trăm triệu đồng) - Nguồn ngân sách nhà nước: **5.500.000.000đồng** - Nguồn khác (nếu có): Không đồng **5. Thời gian thực hiện** Năm 2027 **6. Hồ sơ đính kèm** bảng Khái toán hạng mục công trình xây dựng.
2	Cải tạo 3 nhà chứa rác (rác nguy hại, rác thải sinh hoạt, rác tại chỗ)	350		350	35	315	**I. Sự cần thiết và lý do thực hiện** 3 nhà chứa chất thải được xây dựng từ năm 2003, đến nay đã xuống cấp và không còn đáp ứng nhu cầu [đơn vị điều chỉnh theo thực tế]: **-Nhà chứa chất thải nguy hại:** diện tích khoảng 100 m², nhỏ so với lượng chất thải hiện nay; nền nứt, thấm; thiếu rãnh và hố thu nước rò rỉ; cửa, khóa hư hỏng; chưa có hệ thống bảo quản lạnh cho chất thải lây nhiễm lưu giữ quá thời hạn quy định. **-Nhà chứa chất thải sinh hoạt:** mái tôn hư hỏng, dột khi mưa; nền thấp, dễ đọng nước; phát sinh mùi, ruồi, côn trùng ảnh hưởng khu vực xung quanh. **-Nhà chứa chất thải tái chế:** chưa phân khu riêng rõ ràng, chất thải để lẫn, thiếu biển báo và dụng cụ chứa

TT	Hạng mục công trình	Dự toán năm 2026	Trong đó		Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	Dự toán kinh phí NSNN năm 2027 (sau khi trừ tiết kiệm)	Thuyết minh nhu cầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp
			Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách nhà nước năm 2026			đúng quy định. Việc cải tạo 3 nhà chứa chất thải là cần thiết và cấp bách, vì các lý do sau: **-Đáp ứng yêu cầu bắt buộc của pháp luật.** Thông tư 20/2021/TT-BYT yêu cầu khu lưu giữ chất thải y tế có mái che, nền không ngập nước, có rãnh thu gom nước rò rỉ, biển cảnh báo, phương tiện phòng cháy chữa cháy và phân khu riêng cho từng loại chất thải. Hiện trạng chưa đáp ứng sẽ khiến Trung tâm có nguy cơ bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường. **-Phòng ngừa lây nhiễm, bảo vệ sức khỏe.** Chất thải lây nhiễm lưu giữ không đúng quy cách là nguồn lây bệnh cho nhân viên y tế, công nhân thu gom, người bệnh và người dân xung quanh. Lượng chất thải từ đơn nguyên thận nhân tạo (quả lọc, dây dẫn máu, kim) càng làm tăng yêu cầu này. **-Đảm bảo phân loại, lưu giữ đúng từng loại chất thải.** Phân khu riêng cho chất thải nguy hại, sinh hoạt và tái chế giúp tránh lẫn lộn, giảm khối lượng phải xử lý như chất thải nguy hại, qua đó giảm chi phí xử lý. **-Đáp ứng khối lượng chất thải tăng lên.** Quy mô 320

TT	Hạng mục công trình	Dự toán năm 2026	Trong đó		Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	Dự toán kinh phí NSNN năm 2027 (sau khi trừ tiết kiệm)	Thuyết minh nhu cầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp
			Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách nhà nước năm 2026			giường và các dịch vụ kỹ thuật mới làm lượng chất thải tăng so với thời điểm xây dựng nhà chứa; diện tích hiện có không còn đủ. **-Bảo vệ môi trường và cảnh quan.** Khắc phục tình trạng nước rò rỉ thấm ra đất, mùi hôi, côn trùng, góp phần xây dựng cơ sở y tế xanh – sạch – đẹp và tăng sự hài lòng của người bệnh. **-Phục vụ kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện.** Quản lý chất thải y tế là một nội dung trong bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện và các đợt kiểm tra môi trường định kỳ. **II. Tên hạng mục công trình** Cải tạo 3 nhà chứa rác (rác nguy hại, rác thải sinh hoạt, rác tại chỗ) **3. Thông tin chi tiết hạng mục** - Mục tiêu, quy mô xây dựng: **-Về pháp lý:** Khu lưu giữ chất thải đáp ứng Thông tư 20/2021/TT-BYT và quy định bảo vệ môi trường; tránh rủi ro bị xử phạt.

TT	Hạng mục công trình	Dự toán năm 2026	Trong đó		Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	Dự toán kinh phí NSNN năm 2027 (sau khi trừ tiết kiệm)	Thuyết minh nhu cầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp
			Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách nhà nước năm 2026			
							-**Về an toàn, sức khỏe:** Giảm nguy cơ lây nhiễm cho nhân viên y tế, người bệnh, người nhà và cộng đồng xung quanh. -**Về môi trường:** Chấm dứt tình trạng rò rỉ nước thải, mùi hôi, côn trùng; cảnh quan khuôn viên sạch đẹp. -**Về kinh tế:** Phân loại tốt giúp giảm khối lượng chất thải phải xử lý theo giá chất thải nguy hại; chất thải tái chế được tận dụng theo quy định. - Địa điểm xây dựng: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An - Dự kiến khối lượng công việc: Nâng nền, láng chống thấm; rãnh và hố thu nước rò rỉ; tường ốp gạch dễ vệ sinh; cửa và khóa chắc chắn; phân khu chất thải lây nhiễm và không lây nhiễm; thiết bị bảo quản lạnh; thông gió. Thay mái che; nâng nền, chống đọng nước; rãnh thoát nước; lưới chống côn trùng, động vật; vòi nước rửa thùng. **4. Dự kiến chi phí**

TT	Hạng mục công trình	Dự toán năm 2026	Trong đó		Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	Dự toán kinh phí NSNN năm 2027 (sau khi trừ tiết kiệm)	Thuyết minh nhu cầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp
			Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách nhà nước năm 2026			
							Tổng kinh phí: 350.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm chục triệu đồng) - Nguồn ngân sách nhà nước: **350.000.000 đồng** - Nguồn khác (nếu có): Không đồng **5. Thời gian thực hiện** Năm 2027 **6. Hồ sơ đính kèm** Báo giá
3	Chống thấm khoa ICU, HSCC, phòng mổ	200		200	20	180	**I.Sự cần thiết và lý do thực hiện** Khu vực khoa ICU, khoa HSCC và khu phòng mổ được xây dựng, đưa vào sử dụng từ năm 2003, hoạt động liên tục 24/24 giờ. Sau thời gian dài sử dụng, kết hợp khí hậu mưa nhiều, các hạng mục chống thấm đã xuống cấp. Trung tâm đã nhiều lần xử lý cục bộ (trám vá, che chắn tạm) nhưng tình trạng thấm vẫn tái diễn vào mùa mưa, có xu hướng lan rộng. Chống thấm khoa ICU, HSCC và khu phòng mổ là cần thiết và cấp bách, vì đây là các khu vực điều trị người bệnh nặng, yêu cầu vô khuẩn và an toàn cao nhất của Trung tâm:

TT	Hạng mục công trình	Dự toán năm 2026	Trong đó		Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	Dự toán kinh phí NSNN năm 2027 (sau khi trừ tiết kiệm)	Thuyết minh nhu cầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp
			Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách nhà nước năm 2026			
							-Bảo đảm kiểm soát nhiễm khuẩn. Ẩm mốc, nước thấm là môi trường cho vi khuẩn, nấm phát triển. Người bệnh hồi sức và người bệnh phẫu thuật có sức đề kháng thấp, rất dễ mắc nhiễm khuẩn bệnh viện, kéo dài thời gian điều trị và tăng tử vong. **-Bảo đảm điều kiện vô khuẩn phòng mổ.** Nước nhỏ từ trần, nấm mốc trên trần kỹ thuật có thể làm nhiễm bẩn phẫu trường, dụng cụ vô khuẩn, ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn phẫu thuật. **-Bảo vệ trang thiết bị y tế và hệ thống điện.** Khu vực này tập trung nhiều thiết bị giá trị cao như máy thở, monitor, máy gây mê, đèn mổ, hệ thống khí y tế. Nước thấm gây chập điện, hư hỏng thiết bị, nguy cơ cháy nổ và gián đoạn điều trị. **-Bảo đảm hoạt động liên tục 24/24 giờ.** ICU, HSCC và phòng mổ không thể tạm dừng khi có sự cố. Mỗi lần thấm dột phải di chuyển giường bệnh, tạm ngưng phòng mổ, ảnh hưởng đến cấp cứu và phẫu thuật. **-Ngăn chặn xuống cấp kết cấu công trình.** Thấm kéo dài làm ăn mòn cốt thép, bong tróc bê tông, giảm tuổi thọ công trình. Xử lý sớm tiết kiệm hơn nhiều so với

TT	Hạng mục công trình	Dự toán năm 2026	Trong đó		Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	Dự toán kinh phí NSNN năm 2027 (sau khi trừ tiết kiệm)	Thuyết minh nhu cầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp
			Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách nhà nước năm 2026			
							sửa chữa lớn về sau. **-Khắc phục triệt để thay vì xử lý tạm.** Các lần vá cục bộ không hiệu quả lâu dài; cần chống thấm đồng bộ theo phương án kỹ thuật phù hợp. **II. Tên hạng mục công trình** Chống thấm khoa ICU, HSCC, phòng mổ 3. Thông tin chi tiết hạng mục - Mục tiêu, quy mô xây dựng: Xử lý triệt để tình trạng thấm dột tại khoa ICU, khoa HSCC và khu phòng mổ, bảo đảm môi trường điều trị khô ráo, an toàn, đạt yêu cầu kiểm soát nhiễm khuẩn, phục vụ hoạt động liên tục 24/24 giờ. **Mục tiêu cụ thể** -Không còn vị trí thấm, dột tại 3 khu vực sau khi hoàn thành, kể cả trong mùa mưa. -Bề mặt trần, tường đạt yêu cầu dễ vệ sinh, không ẩm mốc, phù hợp khu vực vô khuẩn. -Không phát sinh sự cố hư hỏng thiết bị y tế, hệ thống

TT	Hạng mục công trình	Dự toán năm 2026	Trong đó		Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	Dự toán kinh phí NSNN năm 2027 (sau khi trừ tiết kiệm)	Thuyết minh nhu cầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp
			Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách nhà nước năm 2026			
							điện do nước thấm. -Không phải tạm ngưng phòng mổ hoặc di chuyển giường bệnh vì thấm dột. - Địa điểm xây dựng: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An - Dự kiến khối lượng công việc: **Hạng mục chính:** -Chống thấm sàn mái, sê nô, máng xối bằng vật liệu chuyên dụng; thông tắc, sửa chữa ống thoát nước mưa; -Chống thấm tường ngoài, khe tiếp giáp, chân tường; -Chống thấm khu vệ sinh, hộp kỹ thuật, vị trí đường ống xuyên sàn; -Xử lý nấm mốc; sửa chữa trần, sơn lại tường trần bằng sơn kháng khuẩn, chống ẩm phù hợp khu vực vô khuẩn; **4. Dự kiến chi phí** **Tổng kinh phí: 200.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai

TT	Hạng mục công trình	Dự toán năm 2026	Trong đó		Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	Dự toán kinh phí NSNN năm 2027 (sau khi trừ tiết kiệm)	Thuyết minh nhu cầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp
			Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách nhà nước năm 2026			trăm triệu đồng) - Nguồn ngân sách nhà nước: **200.000.000 đồng** Nguồn khác (nếu có): Không đồng **5. Thời gian thực hiện** Năm 2027 **6. Hồ sơ đính kèm** Báo giá
TỔNG CỘNG		**6.050**	**-**	**6.050**	**605**	**5.445**	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*****

HỒ SƠ KHÁI TOÁN

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA ĐƠN NGUYÊN THẬN NHÂN TẠO TTYT KHU VỰC THUẬN

ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG LÁI THIÊU, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC THUẬN AN

Hồ Chí Minh 09/2026

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

Dự án: SỬA CHỮA ĐƠN NGUYÊN THẬN NHÂN TẠO TTYT KHU VỰC THUẬN AN

Đơn vị tính: (đ)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	**Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư**					**Gbt,tđc**
2	**Chi phí xây dựng**		**3.727.425.875**	**298.194.070**	**4.025.619.945**	**Gcpxd**
2.1	*Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ tạm phục vụ thi công*		*3.686.870.302*	*294.949.624*	*3.981.819.926*	*Gxd*
	+ CẢI TẠO SỬA CHỮA		3.686.870.302	294.949.624	3.981.819.926	Gxd.1
2.2	*Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công*		*40.555.573*	*3.244.446*	*43.800.019*	*Gxd2*
	+ CẢI TẠO SỬA CHỮA		40.555.573	3.244.446	43.800.019	
4	**Chi phí quản lý dự án**	**3,446% x (Gxd+Gtb)**	**127.049.551**	**10.163.964**	**137.213.515**	**Gqlda**
5	**Chi phí tư vấn xây dựng**		**419.484.164**	**33.558.732**	**453.042.896**	**Gtv**
5.1	*Chi phí lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư*	*0,301% x (Gxd+Gtb)*	*11.097.480*	*887.798*	*11.985.278*	*Gtv1*
5.2	*Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật*	*4,61414% x 1,15 x (Gxd+Gtb)*	*225.634.961*	*18.050.797*	*243.685.758*	*Gtv2*
5.3	*Chi phí thẩm tra báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư*	*0,071% x (Gxd+Gtb)*	*2.617.678*	*209.414*	*2.827.092*	*Gtv3*
5.4	*Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần thiết kế*	*0,258% x 1,2 x Gxd*	*11.414.550*	*913.164*	*12.327.714*	*Gtv4*
5.5	*Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần dự toán*	*0,25% x 1,2 x Gxd*	*11.060.611*	*884.849*	*11.945.460*	*Gtv5*
5.6	*Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật*	*0,019% x Gxd*	*708.211*	*56.657*	*764.868*	*Gtv6*
5.7	*Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng*	*0,432% x Gxd*	*15.927.280*	*1.274.182*	*17.201.462*	*Gtv7*
5.8	*Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)*	*0,1%*Gcpxd*	*3.727.426*	*298.194*	*4.025.620*	*Gtv8*

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
5.9	*Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)*	*0,2%*Gcpxd*	*7.454.852*	*596.388*	*8.051.240*	*Gtv9*
5.10	*Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)*	*0,1%*Gcpxd*	*3.727.426*	*298.194*	*4.025.620*	*Gtv10*
5.11	*Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)*	*0,015%-0,03%*Gcpxd*	*5.000.000*	*400.000*	*5.400.000*	*Gtv11*
5.12	*Chi phí giám sát thi công xây dựng*	*3,285% x Gxd*	*121.113.689*	*9.689.095*	*130.802.784*	*Gtv12*
6	**Chi phí khác**		**56.341.467**	**3.475.522**	**59.816.988**	**Gk**
6.1	*Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán*	*0,57% x Gcpxd*	*12.897.444*		*12.897.444*	*Gk1*
6.2	*Chi phí kiểm toán độc lập*	*0,96% x TMĐT*	*43.444.022*	*3.475.522*	*46.919.544*	*Gk2*
7	**Chi phí dự phòng**	**Gdp1 + Gdp2**	**718.376.022**	**57.470.082**	**775.846.104**	**Gdp**
7.1	*Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh*	*5% x (Gcpxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk+Gd ...)*	*216.467.284*	*17.317.383*	*233.784.667*	*Gdp1*
7.2	*Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá*	*(xem bảng tính)*	*501.908.738*	*40.152.699*	*542.061.437*	*Gdp2*
	TỔNG CỘNG		**5.048.677.079**	**402.862.369**	**5.451.539.448**	
	LÀM TRÒN				**5.451.539.000**	**Gtmdt**
Số tiền (bằng chữ): Năm tỷ bốn trăm năm mươi mốt triệu năm trăm ba mươi chín nghìn đồng						

CÔNG TRÌNH : SỬA CHỮA ĐƠN NGUYÊN THẬN NHÂN TẠO TTYT KHU VỰC THUẬN AN

CHỈ SỐ GIÁ BÌNH QUÂN

STT	Thời điểm	Chỉ số giá XD	Tỷ lệ (Isau / Itrước)	Chỉ số giá XD bình quân
1	2020	105,00000 %	1,	
2	2021	105,00000 %	1,	
3	2022	105,00000 %	1,	
4	2023	105,00000 %	1,04762	
5	2024	110,00000 %	1,	1,00952

CHI PHÍ DỰ PHÒNG DO YẾU TỐ TRƯỢT GIÁ

STT	Năm	Vốn phân bổ từng năm	Chỉ số giá XD bình quân	Mức biến động chỉ số giá XD	Dự phòng từng năm	Dự phòng lũy kế
		(đ)			(đ)	(đ)
1	2025	1.746.405.675	1,00952	0,05	103.946.066	103.946.066
2	2026	1.746.405.675	1,00952	0,05	214.079.001	318.025.067
3	2027	1.182.881.995	1,00952	0,05	224.036.369	542.061.437
TỔNG CỘNG		**4.675.693.345**				**542.061.437**

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

Tên công trình: SỬA CHỮA KHOA LỌC MÁU TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC THUẬN AN

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ (đ)	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	*Chi phí Vật liệu*	A1	*2.777.688.900*	*VL*
	+ Theo tổng hợp vật tư	Bảng tổng hợp vật tư	2.777.688.900	A1
2	*Chi phí Nhân công*	B1	*462.149.193*	*NC*
	+ Theo tổng hợp vật tư	Bảng tổng hợp vật tư	462.149.193	B1
3	*Chi phí Máy thi công*	C1	*17.071.313*	*M*
	+ Theo tổng hợp vật tư	Bảng tổng hợp vật tư	17.071.313	C1
	Cộng chi phí trực tiếp	VL + NC + M	*3.256.909.406*	*T*
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP	T x 7,3%	237.754.387	C
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T+C) x 5,5%	192.206.509	TL
	Chi phí thực hiện bảo dưỡng công trình trước thuế	(T+C+TL)	***3.686.870.302***	*Gxdtt*
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	Gxdtt x 8%	294.949.624	GTGT
	Chi phí thực hiện bảo dưỡng công trình sau thuế	Gxdtt + GTGT	3.981.819.926	Gxdst
V	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	Gxdst x 1,1%	43.800.019	LT
	TỔNG CỘNG		**4.025.619.945**	Gxd
	LÀM TRÒN		**4.025.620.000**	
Số tiền (bằng chữ): Bốn tỷ không trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng				

BẢNG DỰ TOÁN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH : SỬA CHỮA ĐƠN NGUYÊN THẬN NHÂN TẠO TTYT KHU VỰC THUẬN AN

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng
	HM	CẢI TẠO SỬA CHỮA		
1	AB.11314	Đào đất móng băng bằng thủ công, rộng <= 3m, sâu <= 1m, đất cấp IV	m3	6,7120
		*33*0,2*0,4 = 2,64*		
		*9*4,1*0,2*0,4 = 2,952*		
		*2*7*0,2*0,4 = 1,12*		
2	AF.12313	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng nhà, chiều cao <= 6m, đá 1x2, mác 250	m3	6,7120
		*33*0,2*0,4 = 2,64*		
		*9*4,1*0,2*0,4 = 2,952*		
		*2*7*0,2*0,4 = 1,12*		
3	AF.61521	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép <= 18mm, chiều cao <= 6m	tấn	1,0
		1 = 1		
4	AF.81141	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn xà dầm, giằng	100m2	2,0
		2 = 2		
5	AE.63213	Xây gạch ống 8x8x19, xây tường thẳng chiều dày <= 30cm, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75	m3	53,6960
		*33*0,2*3,2 = 21,12*		
		*9*4,1*0,2*3,2 = 23,616*		
		*2*7*0,2*3,2 = 8,96*		
6	AK.21133	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m2	536,960
7	AK.31160	Ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch <= 0,36m2, vữa XM mác 75	m2	846,0
		*Phòng lọc máu: (7*2+25*2)*3,0 = 192*		
		*Phòng rác thải: (4*2+2*2)*3,0 = 36*		
		*Phòng Ro: (4*2+5*2)*3,0 = 54*		
		Phòng chức năng:2(2*2+3*2)*3,0 = 60*		
		*(5*2+4*2)*3,0 = 54*		
		*(3*2+4*2)*3,0 = 42*		
		*(4*2+4*2)*3,0 = 48*		
		*(2*2+5*2)*3,0 = 42*		
		*(3*2+4*2)*3,0 = 42*		
		*(7*2+4*2)*3,0 = 66*		
		*Hành lang: (2,0*2+33*2)*3,0 = 210*		
8	AI.63121	CCLĐ Cửa khung nhôm sơn tĩnh điện	m2	35,20
		*4*2,0*2,2 = 17,6*		
		*10*0,8*2,2 = 17,6*		
9	AF.11314	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 300	m3	42,90
		*13*33*0,1 = 42,9*		
10	AL.54310	Lát nền sàn bằng Vinyl y tế	m2	429,0
11	AK.66110	Thi công Trần nhôm y tế chuyên dụng	m2	429,0
12	TT	CCLĐ hệ điều hòa không khí	ht	1,0
13	BA.13510	Lắp đặt đèn LED Panel âm trần tấm 600x600mm	bộ	80,0
14	BA.14301	Lắp đặt ống nhựa, máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn, đường kính	m	2.000,0
15	BA.14302	Lắp đặt ống nhựa, máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn, đường kính	m	2.000,0
16	BA.15401	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, diện tích hộp <= 40cm2	hộp	150,0
17	BA.16102	Lắp đặt dây đơn <= 1mm2	m	5.000,0
18	BA.16107	Lắp đặt dây đơn <= 50mm2	m	100,0
19	BA.16103	Lắp đặt dây đơn <= 2,5mm2	m	5.000,0
20	BA.17102	Lắp đặt công tắc - 2 hạt trên 1 công tắc	cái	20,0
21	BA.17103	Lắp đặt công tắc - 3 hạt trên 1 công tắc	cái	20,0
22	BA.17203	Lắp đặt ổ cắm ba	cái	150,0
23	BA.18205	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện <= 200Ampe	cái	1,0
24	BA.18203	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện <= 100Ampe	cái	3,0
25	TT	CCLĐ hệ thống PCCC	ht	1,0

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng
26	BB.91201	Lắp đặt chậu xí bệt	bộ	7,0
27	BB.91102	Lắp đặt chậu rửa 2 vòi	bộ	6,0
28	BB.91502	Lắp đặt vòi rửa 2 vòi	bộ	6,0
29	BB.91301	Lắp đặt chậu tiểu nam	bộ	3,0
30	BB.91901	Lắp đặt gương soi	cái	6,0
31	BB.91903	Lắp đặt giá treo	cái	6,0
32	BB.91904	Lắp đặt hộp đựng	cái	6,0
33	BB.91902	Lắp đặt kệ kính	cái	6,0
	THM	Tổng cộng: CẢI TẠO SỬA CHỮA		

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ VÀ CHÊNH LỆCH GIÁ

CÔNG TRÌNH : SỬA CHỮA ĐƠN NGUYÊN THẬN NHÂN TẠO TTYT KHU VỰC THUẬN AN

STT	Mã số	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Giá T.7/2026 (đ)	Thành tiền (đ)
I		VẬT LIỆU				
1	A33.1323	Aptomat 1 pha <=100Ampe	cái	3,0	350.000	1.050.000
2	A33.1325	Aptomat 1 pha <=200Ampe	cái	1,0	450.000	450.000
3	A24.0176	Cát mịn ML=1,5-2,0	m3	41,2028	340.000	14.008.968
4	A24.0180	Cát vàng	m3	25,9526	450.000	11.678.678
5	A33.1304	Công tắc 2 hạt	cái	20,0	35.000	700.000
6	A33.1305	Công tắc 3 hạt	cái	20,0	35.000	700.000
7	CKN	Cửa khung nhôm sơn tĩnh điện	m2	36,960	2.650.000	97.944.000
8	A33.1085	Chậu rửa loại 2 vòi	bộ	6,0	2.350.000	14.100.000
9	A33.1091	Chậu tiểu nam	bộ	3,0	2.350.000	7.050.000
10	A33.1089	Chậu xí bệt	bộ	7,0	2.350.000	16.450.000
11	A33.0064	Dây dẫn điện <=1x1,5mm2	m	5.050,0	10.905	55.070.250
12	A33.0065	Dây dẫn điện <=1x2,5mm2	m	5.050,0	12.340	62.317.000
13	A33.0069	Dây dẫn điện <=1x50mm2	m	101,0	583.770	58.960.770
14	A24.0293	Dây thép	kg	9,280	16.800	155.904
15	A24.0008	Đá 1x2	m3	42,7752	780.000	33.364.622
16	A24.0054	Đinh	kg	28,580	16.800	480.144
17	A24.0386	Gạch ống 8x8x19	viên	34.848,7040	1.600	55.757.926
18	A24.1006	Gạch ốp tiết diện <= 0,36m2	m2	854,460	550.000	469.953.000
19	A24.0406	Gỗ chống	m3	1,9140	3.636.363	6.959.999
20	A24.0404	Gỗ đà nẹp	m3	0,3780	3.636.363	1.374.545
21	A24.0418	Gỗ ván	m3	1,5880	3.636.363	5.774.544
22	A33.1103	Gương soi	cái	6,0	1.250.000	7.500.000
23	A33.1105	Giá treo	cái	6,0	150.000	900.000
24	ĐHKK	Hệ thống điều hòa không khí	ht	1,0	600.000.000	600.000.000
25	PCCC	Hệ thống PCCC	ht	1,0	350.000.000	350.000.000
26	A33.0059	Hộp có diện tích <=40cm2	cái	150,0	15.000	2.250.000
27	A33.1106	Hộp đựng	cái	6,0	150.000	900.000
28	A33.1104	Kệ kính	cái	6,0	150.000	900.000

STT	Mã số	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Giá T.7/2026 (đ)	Thành tiền (đ)
29	A33.0027	LED Panel âm trần tấm 600x600mm loại 48W	bộ	80,0	650.000	52.000.000
30	A24.0524	Nước	lít	18.827,6369	2.000	37.655.274
31	A33.0095	Ổ cắm ba	cái	150,0	55.000	8.250.000
32	A33.0042	Ống nhựa D<=15mm	m	2.040,0	15.000	30.600.000
33	A33.0043	Ống nhựa D<=27mm	m	2.040,0	15.000	30.600.000
34	A24.0543	Que hàn	kg	4,70	16.800	78.960
35	SVN	Sàn Vinyl y tế cao cấp	m2	471,90	750.000	353.925.000
36	A24.0739	Thép tròn D<=18mm	kg	1.020,0	16.800	17.136.000
37	A24.0687	Trần nhôm y tế chuyên dụng	m2	450,450	650.000	292.792.500
38	A33.1096	Vòi rửa 2 vòi	bộ	6,0	750.000	4.500.000
39	A24.0930	Xi măng	kg	761,40	1.750	1.332.450
40	A24.0796A	Xi măng PCB40	kg	26.206,2417	1.750	45.860.923
41	A24.0798	Xi măng trắng	kg	101,520	6.400	649.728
42	Z999	Vật liệu khác	%			
		TỔNG VẬT LIỆU				**2.752.131.186**
II		**NHÂN CÔNG**				
1	N1	Nhân công nhóm 1	công	51,5642	275.689	14.215.672
2	N2	Nhân công nhóm 2	công	224,4952	340.790	76.505.733
3	N3	Nhân công nhóm 3	công	1.041,7972	356.526	371.427.789
		TỔNG NHÂN CÔNG				**462.149.193**
III		**MÁY THI CÔNG**				
1	M112.2102	Máy cắt gạch đá 1,7 kW	ca	169,20	28.203	4.771.948
2	M112.2601	Máy cắt uốn cốt thép 5 kW	ca	0,320	404.325	129.384
3	M112.1301	Máy đầm dùi 1,5 kW	ca	1,2082	399.564	482.737
4	M112.1101	Máy đầm bàn 1 kW	ca	3,8181	395.399	1.509.673
5	M112.4003	Máy hàn 23 kW	ca	1,1330	493.574	559.219
6	M112.1701	Máy khoan bê tông cầm tay 0,62 kW	ca	43,360	15.158	657.251
7	M108.0306	Máy nén khí diezel 600 m3/h	ca	2,5740	2.145.297	5.521.994
8	M104.0102	Máy trộn bê tông 250 lít	ca	4,7131	444.103	2.093.120
9	M104.0202	Máy trộn vữa 150 lít	ca	3,2218	417.780	1.345.987
		TỔNG MÁY THI CÔNG				**17.071.313**

BẢNG TÍNH ĐƠN GIÁ CA MÁY

(Theo Thông tư 37/2026/TT-BXD, Tờ trình 24870/TTr-SXD-KTVLXD năm 2026 của TP Hồ Chí Minh - Phường Lái Thiêu.)

CÔNG TRÌNH : SỬA CHỮA ĐƠN NGUYÊN THẬN NHÂN TẠO TTYT KHU VỰC THUẬN AN

Đơn vị tính: (đ)

STT	Mã số	Tên máy và thiết bị thi công / Diễn giải	Đơn vị	Nguyên giá (đ)	Số ca / 1 năm	Định mức	Đơn giá (đ)	Hệ số	Chi phí (đ)
1	M112.2102	**Máy cắt gạch đá 1,7 kW**	ca	7.900.000	90				28.203
		** Nhiên liệu, năng lượng:*							*6.259,1*
		- Điện	kwh			3,0	1.987,0	1,050	6.259,1
		** Khấu hao, Sửa chữa và Chi phí khác:*							*21.944,4*
		- Khấu hao				0,140	7.900.000,0	1,0	12.288,9
		- Sửa chữa				0,070	7.900.000,0		6.144,4
		- Chi phí khác				0,040	7.900.000,0		3.511,1
2	M112.2601	**Máy cắt uốn cốt thép 5 kW**	ca	18.200.000	240				*404.325*
		** Nhiên liệu, năng lượng:*							*18.777,2*
		- Điện	kwh			9,0	1.987,0	1,050	18.777,2
		** Nhân công vận hành máy:*							*368.789,0*
		- Nhân công vận hành				1,0			368.789,0
		Lương cơ bản					368.789,0		368.789,0
		** Khấu hao, Sửa chữa và Chi phí khác:*							*16.759,2*
		- Khấu hao				0,140	18.200.000,0	1,0	10.616,7
		- Sửa chữa				0,0410	18.200.000,0		3.109,2
		- Chi phí khác				0,040	18.200.000,0		3.033,3
3	M112.1301	**Máy đầm dùi 1,5 kW**	ca	7.395.000	150				399.564
		** Nhiên liệu, năng lượng:*							*14.604,5*
		- Điện	kwh			7,0	1.987,0	1,050	14.604,5
		** Nhân công vận hành máy:*							*368.789,0*
		- Nhân công vận hành				1,0			368.789,0
		Lương cơ bản					368.789,0		368.789,0
		** Khấu hao, Sửa chữa và Chi phí khác:*							*16.170,4*
		- Khấu hao				0,20	7.395.000,0	1,0	9.860,0
		- Sửa chữa				0,0880	7.395.000,0		4.338,4
		- Chi phí khác				0,040	7.395.000,0		1.972,0
4	M112.1101	**Máy đầm bàn 1 kW**	ca	6.420.000	150				395.399

STT	Mã số	Tên máy và thiết bị thi công / Diễn giải	Đơn vị	Nguyên giá (đ)	Số ca / 1 năm	Định mức	Đơn giá (đ)	Hệ số	Chi phí (đ)
		** Nhiên liệu, năng lượng:*							*10.431,8*
		- Điện	kwh			5,0	1.987,0	1,050	10.431,8
		** Nhân công vận hành máy:*							*368.789,0*
		- Nhân công vận hành				1,0			368.789,0
		Lương cơ bản					368.789,0		368.789,0
		** Khấu hao, Sửa chữa và Chi phí khác:*							*16.178,4*
		- Khấu hao				0,250	6.420.000,0	1,0	10.700,0
		- Sửa chữa				0,0880	6.420.000,0		3.766,4
		- Chi phí khác				0,040	6.420.000,0		1.712,0
5	**M112.4003**	**Máy hàn 23 kW**	**ca**	**16.000.000**	**200**				**493.574**
		** Nhiên liệu, năng lượng:*							*100.144,8*
		- Điện	kwh			48,0	1.987,0	1,050	100.144,8
		** Nhân công vận hành máy:*							*368.789,0*
		- Nhân công vận hành				1,0			368.789,0
		Lương cơ bản					368.789,0		368.789,0
		** Khấu hao, Sửa chữa và Chi phí khác:*							*24.640,0*
		- Khấu hao				0,210	16.000.000,0	1,0	16.800,0
		- Sửa chữa				0,0480	16.000.000,0		3.840,0
		- Chi phí khác				0,050	16.000.000,0		4.000,0
6	**M112.1701**	**Máy khoan bê tông cầm tay 0,62 kW**	**ca**	**4.800.000**	**150**				**15.158**
		** Nhiên liệu, năng lượng:*							*1.877,7*
		- Điện	kwh			0,90	1.987,0	1,050	1.877,7
		** Khấu hao, Sửa chữa và Chi phí khác:*							*13.280,0*
		- Khấu hao				0,30	4.800.000,0	1,0	9.600,0
		- Sửa chữa				0,0750	4.800.000,0		2.400,0
		- Chi phí khác				0,040	4.800.000,0		1.280,0
7	**M108.0306**	**Máy nén khí diezel 600 m3/h**	**ca**	**410.793.000**	**180**				**2.145.297**
		** Nhiên liệu, năng lượng:*							*1.342.893,4*
		- Diezel	Lít			47,0	27.740,0	1,030	1.342.893,4
		** Nhân công vận hành máy:*							*368.789,0*
		- Nhân công vận hành				1,0			368.789,0
		Lương cơ bản					368.789,0		368.789,0
		** Khấu hao, Sửa chữa và Chi phí khác:*							*433.614,8*

STT	Mã số	Tên máy và thiết bị thi công / Diễn giải	Đơn vị	Nguyên giá (đ)	Số ca / 1 năm	Định mức	Đơn giá (đ)	Hệ số	Chi phí (đ)
		- Khấu hao				0,10	410.793.000,0	0,90	205.396,5
		- Sửa chữa				0,050	410.793.000,0		114.109,2
		- Chi phí khác				0,050	410.793.000,0		114.109,2
8	M104.0102	**Máy trộn bê tông 250 lít**	ca	**30.210.000**	**165**				*444.103*
		** Nhiên liệu, năng lượng:*							*22.949,9*
		- Điện	kwh			11,0	1.987,0	1,050	22.949,9
		** Nhân công vận hành máy:*							*368.789,0*
		- Nhân công vận hành				1,0			368.789,0
		Lương cơ bản					368.789,0		368.789,0
		** Khấu hao, Sửa chữa và Chi phí khác:*							*52.364,0*
		- Khấu hao				0,190	30.210.000,0	0,90	31.308,5
		- Sửa chữa				0,0650	30.210.000,0		11.900,9
		- Chi phí khác				0,050	30.210.000,0		9.154,5
9	M104.0202	**Máy trộn vữa 150 lít**	ca	**17.828.000**	**170**				*417.780*
		** Nhiên liệu, năng lượng:*							*16.690,8*
		- Điện	kwh			8,0	1.987,0	1,050	16.690,8
		** Nhân công vận hành máy:*							*368.789,0*
		- Nhân công vận hành				1,0			368.789,0
		Lương cơ bản					368.789,0		368.789,0
		** Khấu hao, Sửa chữa và Chi phí khác:*							*32.300,1*
		- Khấu hao				0,190	17.828.000,0	1,0	19.925,4
		- Sửa chữa				0,0680	17.828.000,0		7.131,2
		- Chi phí khác				0,050	17.828.000,0		5.243,5

BẢNG TÍNH ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG

(Theo Tờ trình 24870/TTr-SXD-KTVLXD năm 2026 của TP Hồ Chí Minh - Phường Lái Thiêu.)

CÔNG TRÌNH : SỬA CHỮA ĐƠN NGUYÊN THẬN NHÂN TẠO TTYT KHU VỰC THUẬN AN

Đơn vị tính: (đ)

STT	Mã số	Tên nhân công	Đơn vị	Đơn giá nhân công (đ/công)
1	N1	Nhân công nhóm 1	công	275.689
2	N2	Nhân công nhóm 2	công	340.790
3	N3	Nhân công nhóm 3	công	356.526

